TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DSST
Ngày 31 tháng 7 năm 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa
2. Bà Lê Thị Tôn Thiết

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 45/2019/TLST- DS ngày 08 tháng 03 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXX- ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Hồng K - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vĩnh Tường (vắng mặt)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1977 - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vĩnh Tường (văn bản ủy quyền số 48/UQ-PGD ngày 11/03/2019)

Địa chỉ: Khu 3 thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2.Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị C, sinh năm 1964 (vợ ông T vắng mặt)
- Chị Lê Thị H, sinh năm 1989 (con gái ông T vắng mặt)
- Anh Lê Văn N, sinh năm 1992 (con trai ông T vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Bà Lương Như T, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày: Gia đình ông Lê Văn T bà Bùi Thị C ở thôn 8, xã Đ thuộc hộ cận nghèo được UBND xã xác nhận đứng ra vay vốn theo trương trình Học sinh sinh viên có H cảnh khó khăn. Ngày 22/10/2007 ông Lê Văn T có viết đơn vay vốn cho con gái là chị Lê Thị H đi học tại trường Cao đẳng Công nghệ T từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2008. Căn cứ vào đơn vay vốn nên ngày 03/11/2007 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cho gia đình ông Lê Văn T vay 32.000.000đ, lãi suất là 0,50%/tháng. Sau đó chị Lê Thị H chuyển sang học trường Cao Đẳng Kỹ thuật Khách sạn và Du lịch, đến tháng 10/2011 học liên thông tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, nên ngày 21/11/2011 Ngân hàng lại cho ông T vay 10.000.000đ lãi suất là 0,65%/tháng, tổng số tiền vay là 42.000.000đ. Hình thức vay không phải thế chấp tài sản gì, thời hạn trả nợ cuối cùng đối với khoản vay là ngày 21/5/2018.

Ngày 08/11/2011 gia đình ông Lê Văn T bà Bùi Thị C lại viết đơn đề nghị vay vốn cho con trai là anh Lê Văn N đi học tại Trường Đại học công nghiệp Hà Nội từ tháng 9/2011 đến tháng 9/2014. Căn cứ vào đơn vay vốn nên ngày 21/11/2011 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vĩnh Tường đã cho gia đình ông Lê Văn T vay 30.000.000đ, lãi suất là 0,65%/tháng. Hình thức vay không phải thế chấp tài sản gì, thời hạn trả nợ cuối cùng đối với khoản vay là ngày 21/11/2018. Như vậy Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã cho gia đình ông T vay vốn cho chị Lê Thị H và anh Lê Văn N đi học Đại học với tổng số tiền là 72.000.000đ. Khi làm hồ sơ vay vốn thì vợ chồng ông T bà C đều ký vào giấy đề nghị vay vốn và sổ vay vốn, ông T đã được nhận đủ số tiền vay

vào ngày 03/11/2007 và ngày 21/11/2011. Đến ngày 03/10/2008 ông T đã trả cho Ngân hàng 4.000.000đ tiền gốc và nợ lại 68.000.000đ, còn tiền lãi thì gia đình ông T chưa trả mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng gia đình ông T, bà C cũng không trả được một đồng tiền gốc, tiền lãi nào. Trước khi đến hạn trả nợ cuối cùng và sau khi chuyển nợ quá hạn Ngân hàng đã phối hợp với Tổ tiết kiệm và vay vốn, Ban chấp hành hội phụ nữ xã, UBND xã Đ đôn đốc nhiều lần nhưng ông T, bà C cũng không trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 31/7/2019 ông Lê Văn T còn nợ Ngân hàng cho từng sinh viên như sau: Đối với sinh viên Lê Thị H nợ gốc quá hạn là 38.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 18.935.371đ, lãi quá hạn là 3.748.194đ, tổng cộng là 60.683.565đ. Đối với sinh viên Lê Văn N nợ gốc quá hạn là 30.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 13.801.527đ, lãi quá hạn là 2.129.400đ, tổng cộng là 45.930.927đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Bùi Thị C phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 31/7/2019 là 106.614.492đ, trong đó khoản nợ gốc là 68.000.000đ, khoản nợ lãi là 38.614.492đ và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh của số tiền gốc còn lại tính từ (ngày 01/8/2019) cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng ông Lê Văn T, bà Bùi Thị C, không đến để giải quyết việc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông, bà trả khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng. Ngày 28/5/2019 Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình ông T để lấy lời khai của ông T, khi đến nhà ông T thấy nhà mở cửa, cổng sắt khóa và ông T không có nhà. Ông T có để số điện thoại ghi ở cổng cán bộ Tòa án đã gọi điện thoại cho ông T, ông T có nghe điện thoại và nói "bận việc không về được" sau đó cán bộ Tòa án có hẹn ông T đến tại Tòa án làm việc vào ngày 31/5/2019, ông T đồng ý nhưng sau đó không đến làm việc như đã hẹn trên. Ngày 17/6/2019 Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nhà ông T để làm việc với ông T, khi đến nhà ông T thấy nhà mở cửa nhưng không có ai ở nhà, gọi điện thoại ông T không nghe vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của ông T.

Xác minh tại địa phương cho biết, hiện nay ông T ở nhà một mình ông T chăn nuôi lợn nên thường xuyên có mặt ở nhà. Bà Bùi Thị C (vợ ông T) đi trông con cho anh Lê Văn N (con ông T) đi làm ăn ở thành phố Hà Nội nhưng không biết địa chỉ. Chị Lê Thị H (con gái ông T) lấy chồng ở xã H, huyện T nhưng (đã ly hôn) hiện nay chị H làm gì ở đâu địa phương không biết, vì vậy không lấy được lời khai của bà C, chị H và anh N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa bà Bùi Thị Bích T, bà Lương Như T đều vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 7 năm 2019 Bùi Thị Bích T, bà Lương Như T trình bày: Bà T là Chủ tịch hội phụ nữ xã Đ từ năm 2006 đến nay, bà T là tổ trưởng tổ vay vốn của khu vực thôn 8, xã Đ từ năm 2015 đến tháng 12/2018 thì nghỉ không làm nữa. Năm 2007 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Vĩnh Tường có cho gia đình ông Lê Văn T, bà Bùi Thị C vay vốn theo chính sách xã hội dành cho sinh viên học Đại học. Khi đó gia đình ông T có hai con học Đại học là chị Lê Thị H và anh Lê Văn N, do vậy gia đình ông T được vay số tiền 68.000.000đ. Cụ thể, ngày 03/11/2007 cho vay đối với sinh viên Lê Thị H với số tiền 38.000.000đ thời hạn vay từ năm 2007 đến năm 2015 phải trả nợ. Ngày 21/11/2011 cho vay đối với sinh viên Lê Văn N với số tiền 30.000.000đ, tổng cộng là 68.000.000đ tiền gốc từ đó đến nay gia đình ông T chưa trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi nào.

Ngân hàng đã đôn đốc gia đình ông T trả nợ nhiều lần nhưng gia đình ông T không trả nợ, tại biên bản làm việc ngày 02/11/2016, ngày 11/9/2016 ngày 16/5/2018 và ngày 12/9/2018 khi ký biên bản làm việc thì bà T ký với tư cách là đại diện hội đoàn thể của xã Đ, còn bà T ký với tư cách là đại diện tổ vay vốn của thôn. Nay các bà xác định Ngân hàng đã cho gia đình ông T vay 68.000.000đ tiền gốc, Ngân hàng yêu cầu ông T bà C trả nợ hai bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật, do điều kiện công việc nên bà T, bà T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gốc và lãi nêu trên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với hộ vay ông Lê Văn T và bà Bùi Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2019 là 106.614.492 đồng (trong đó tiền gốc là 68.000.000đ tiền lãi là 38.614.492đ) và tiền chậm thanh toán phát sinh từ ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông T, bà C không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Tuy không lấy được lời khai của ông Lê Văn T, bà Bùi Thị C, chị Lê Thị H, anh Lê Văn N nhưng Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập nhiều lần cho ông T, ông T đã nhận nhưng cố tình không đến Tòa án để làm việc, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của ông T, bà C, chị H, anh N vì các đương sự cố tình không đến Tòa án để làm việc nhưng căn cứ vào lời khai của bà Bùi Thị Bích T là Chủ tịch hội phụ nữ xã Đ, bà Lương Như T là tổ trưởng tổ vay vốn của khu vực thôn 8, xã Đ. Các phiếu chi ngày 03/11/2007, ngày 03/4/2008, ngày 03/10/2008, ngày 13/03/2008, ngày 21/10/2009, ngày 21/4/2010. Phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ ngày 24/11/2010. Phiếu chi ngày 21/4/2011, ngày 21/11/2011, ngày 21/03/2012, ngày 21/11/2012, ngày 21/03/2013. Phiếu giải ngân ngày 21/11/2013, ngày 21/03/2014. Sổ vay vốn mã KH: 240066, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 22/10/2007, ngày 30/9/2008 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/11/2011 thì ông Lê Văn T có vay 72.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Lãi suất thỏa thuận 0,5%/tháng và 0,65%/tháng, thời hạn vay là 08 năm kể năm 2007 đến năm 2015 đối với khoản vay cho chị Lê Thị H đi học. Đối với khoản vay cho anh Lê Văn N đi học lãi suất thỏa thuận 0,65%/tháng, thời hạn vay là 07 năm 2011 đến năm 2018. Mục đích vay cho con gái là Lê Thị H đi học tại trường Cao đẳng Công nghệ Thành Đô sau đó chuyển học trường Cao đẳng Kỹ thuật khách sạn và du lịch và học liên thông tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Còn anh Lê Văn N đi học tại Trường Đại học công nghiệp Hà Nội (vay theo chương trình Học sinh sinh viên có H cảnh khó khăn), hình thức vay không phải thế chấp tài sản việc vay trên là hợp pháp. Ngày 03/10/2008 ông T đã trả cho Ngân hàng được 4.000.000đ tiền gốc, nhưng sau đó ông T không trả thêm được khoản tiền gốc tiền lãi nào cho Ngân hàng, như vậy ông T đã vi phạm cam kết về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ vào các phiếu chi, phiếu giải ngân, phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ, sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn

kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay thì ông Lê Văn T là người đứng ra vay tiền và nhận tiền còn bà C là người thừa kế. Ông T đều ký vào các phiếu chi, phiếu giải ngân, phiếu giải ngân cho vay vào tài khoản thẻ, giấy đề nghị vay vốn. Ngoài ra ông T bà C đều ký vào Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Vì vậy cần buộc ông T, bà C phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc hiện nay còn nợ là 68.000.000đ, tiền lãi là 38.614.492đ tổng cộng là 106.614.492đồng.

Việc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và ông Lê Văn T thỏa thuận mức lãi suất đối với khoản vay theo chương trình Học sinh sinh viên có H cảnh khó khăn của ông T là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.330.000đ (106.614.492đ x 5% = 5.330.724đ làm tròn = 5.330.000đ). Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc ông Lê Văn T, bà Bùi Thị C phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 68.000.000 đồng tiền gốc và 38.614.492 đồng tiền lãi tổng cộng là 106.614.492 đồng (một trăm linh sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín hai đồng). Ông Lê Văn T, bà Bùi Thị C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 22/10/2007, ngày 30/9/2008 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/11/2011.

Trường hợp ông T, bà C chậm trả tiền cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thì ông T, bà C còn phải trả lãi đối với số tiền châm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 5.330.000đ (năm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T, bà Bùi Thị C, chị Lê Thị H, anh Lê Văn N, bà Bùi Thị Bích T, bà Lương Như T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình